

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

AMMONIA



Số CAS: 1336-21-6
Số UN: 2672
Số đăng ký EC: 215-647-6

PHẦN I - NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Amoniac

- Tên thương mại:

- Tên khác:

Tên nhà cung cấp, địa chỉ:

Tên công ty: CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU

VPGD 1: Số 85 Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.

VPGD 2: Số 215 Nguyễn Khoái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số ĐT: + 84.4.39842258 Số fax: + 84.4.39842256

Địa chỉ e-mail: sales@vietchem.com.vn

Website: www.vietchem.com.vn và

www.hoachat.com.vn

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

Tên công ty: CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU

VPGD 1: Số 85 Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.

VPGD 2: Số 215 Nguyễn Khoái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số ĐT: + 84.4.39842258 Số fax: + 84.4.39842256

Địa chỉ e-mail: sales@vietchem.com.vn

Website: www.vietchem.com.vn và

www.hoachat.com.vn

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

- **Mục đích sử dụng:** Dùng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như chất tẩy rửa, sơn, sản xuất giấy, công nghệ lọc dầu, công nghệ dệt nhuộm, thực phẩm, xử lý nước, sản xuất các loại hóa chất đi từ xút như Silicat Natri, Al(OH)₃, chất trợ lắng PAC, Sodium hydroxide cũng được dùng trong các phòng thí nghiệm...

PHẦN II - THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ammonia	1336-21-6	NH ₃	99%

PHẦN III - NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Theo HMIS (Mỹ)

- Sức khỏe: 3
- Dễ cháy: 0
- Phản ứng : 0

Bảo vệ cá nhân:

Các thông tin về mức xếp loại nguy hiểm khác: Theo WHMIS (Canada)

Chất gây ra hiệu ứng độc hại lập tức và nghiêm trọng nhóm D-1B (Độc hại) Chất lỏng ăn mòn nhóm E

Theo hệ J.T. Baker SAF-T-DATA(tm) (để tham khảo):

Tiếp xúc: 4 - rất cao . Sức khỏe: 3 - Cao (độc). Dễ cháy: 0 - Không cháy. Phản ứng: 1 – Nhẹ

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)



2. Cảnh báo nguy hiểm

Tổng quan: là chất độc hại, nguy hiểm, ăn mòn mạnh - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc

Ngăn ngừa

- Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa / trên các bề mặt nóng.
- Không hút thuốc lá.
- Thùng chứa luôn được đóng chặt.
- Nối dây tiếp đất cho công te nơ và thiết bị tiếp nhận.
- Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.
- Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.
- Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.
- Tránh vào môi trường có bụi hoặc hơi hoá chất.
- Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng, mang vác, tiếp xúc với hoá chất.
- Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.
- Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt phù hợp khi tiếp xúc với hoá chất.

Lưu trữ

- Lưu trữ trong môi trường thông thoáng, mát mẻ.
- Đóng chặt thùng chứa.
- Khóa kho cẩn thận

Thải bỏ

- Sản phẩm thải loại và phương tiện chứa phải được tồn chứa ở nơi thích hợp hoặc thu hồi/ tái chế theo đúng các quy định của địa phương/ quốc gia.

Tình trạng sức khỏe trầm trọng hơn

- Bệnh lý sẵn có của (hệ thống) các cơ quan trong cơ thể dưới đây có thể trầm trọng hơn khi có sự tiếp xúc với vật liệu này: bệnh khí thũng và viêm cuống phổi.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- **Đường mắt:** gây dị ứng có thể gây bỏng, làm mù loà.
- **Đường thở:** gây dị ứng tùy thuộc mức độ hít phải. Triệu chứng bao gồm: hắt hơi, sổ mũi, đau họng. Nồng độ cao có thể gây phù phổi và tử vong . Liều gây chết 5000ppm
- **Đường da:** gây dị ứng hoặc bỏng
- **Đường tiêu hóa:** nếu nuốt phải có thể gây cháy thực quản, dạ dày và viêm phúc mạc. Triệu chứng bao gồm: đau ngực, miệng , nôn,.. Liều gây chết 3-4 ml. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

PHẦN IV – BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da :

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kỹ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp :

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa :

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Không được gây nôn sau đó uống nhiều nước hoặc nước chanh. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ

PHẦN V – BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

- Không được coi là chất dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: oxit nito

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Lưu trữ chung các hóa chất khác khi cháy sẽ ảnh hưởng đến chất.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

- Sử dụng bất kỳ phương tiện chữa cháy nào.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

- Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn. Có thể phun nước để làm mát thùng chứa.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI - BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 50 ppm (NH₃)
- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 25 ppm (NH₃) (TWA), 35 ppm (STEL) Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa với axit loãng như axit axetic, axit clohydric hay axit sunphuric. Thấm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trợ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 50 ppm (NH₃)
- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 25 ppm (NH₃) (TWA), 35 ppm (STEL) Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát cơ khí, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa với axit loãng như axit axetic, axit clohydric hay axit sunphuric. Thấm hoá chất còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trợ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

PHẦN VII – YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các phương tiện bảo vệ cá nhân, xem Phần VIII của Phiếu An Toàn Hóa Chất này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát nhiệt độ lưu trữ dưới 25 độ C, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.

PHẦN VIII- TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp

Thông tin bổ sung - Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc và đi vệ sinh.

2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

3. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- **Bảo vệ mắt:** kính bảo hộ
- **Bảo vệ mắt:** mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH Nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát, sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.
- **Bảo vệ thân thể:** quần áo dài tay
- **Bảo vệ tay:** găng tay an toàn hoá chất
- **Bảo vệ chân:** giày bảo hộ, ủng cao su.

4. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Găng tay, ủng chống hoá chất, mặt nạ phòng hơi độc, kính bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất.

5. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

6. Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích <http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html> Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích <http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html>. Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại <http://hls.gov.uk/search.html>

PHẦN IX - ĐẶC TÍNH HÓA LÝ CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất khí	Điểm sôi (°C): 36 ° C
Màu sắc:	Điểm nóng chảy (°C): -72° C
Mùi đặc trưng:	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: < 115 mmHg (10% NH ₃); 580 mmHg (28% NH ₃)	Nhiệt độ tự cháy (°C):

Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):
Độ hòa tan trong nước:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):
Độ PH:	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m ³): 900kg/mol	Trọng lượng phân tử:

PHẦN X - MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: amoniac, oxit nito
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra
- Phản ứng tương khắc: Axit, Acrolein, dimethyl sulfate, halogen, nitrat bạc, oxide propylene, nitromethane, ôxít bạc, permanganat bạc, tinh dầu, beta-propiolactone. Các kim loại phổ biến nhất.

Nên tránh: Nhiệt, ánh sáng, nguồn lửa

PHẦN XI - THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Ammonia	LD50	350mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Khả năng gây ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen

2. Các ảnh hưởng độc khác

Bào mòn / kích ứng da: Kích ứng da vừa phải

Kích ứng mắt: Kích ứng mắt vừa phải

Kích ứng hô hấp: Hít vào hơi hay sương có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Gây nhức đầu, buồn ngủ, buồn nôn, lẫn lộn, bất tỉnh, rối loạn tiêu hóa và thị giác, thậm chí dẫn đến tử vong

Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da.

Liều độc tính lặp lại: Có thể gây tổn thương gan nếu tiếp xúc lặp lại hoặc kéo dài. Có thể làm khô da.

PHẦN XII - THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

2. Tác động trong môi trường: nguyên chất hoặc trong nước muối có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thủy sinh.

Mức độ phân hủy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Chỉ số BOD và COD: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Độ linh động: Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động và có thể làm ô nhiễm nước ngầm. Tan trong nước.

Nguy cơ gây tích lũy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

PHẦN XIII - YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

3. Biện pháp tiêu hủy: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

5. Các cân nhắc việc thải bỏ: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

PHẦN XIV - YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
--------------	-------	---------------------------	---------------------------	-------------------	-----------------	-------------------

<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa.</p>	2672		Loại: 8	Nhóm III		
---	------	--	---------	----------	--	--

PHẦN XV - QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (theo European Commission)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.
- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của
- Luật hóa chất số 06/2007/QH12

Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định.

PHẦN XVI – THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 29/10/2019

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu An Toàn Hoá Chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.